



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# 212285

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH NGOC NGAN
Last Middle First

Current Address: 10A/5 Ấp Tân Thới xã Bình Đức, Châu Thành, Tiền Giang

Date of Birth: Aug 4 1939 Place of Birth: Làng Thạnh Phú, Mỹ Tho

Previous Occupation (before 1975) Captain - 7th Army Division
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 1, 1975 To Oct 25, 1985
Years: 10 Months: 4 Days: 24

3. SPONSOR'S NAME: NHAN HUYNH T
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
<u>LIEM HUYNH</u> } <u>The same above</u>	<u>Son</u>
<u>QUOZ HUYNH</u> }	<u>Son</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 1/29/89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH NGOC NGAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VO ^S . THI. HOAN	Jan 6, 1942	Wife
HUYNH. BAO. GIANG	Aug 14, 1967	Son
HUYNH. CHI. TRUNG	Dec 12, 1973	Son
HUYNH. THI. NGOC. TRAN	May 14, 1971	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

Hô sơ bổ túc

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH NGOC NGAN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : Aug 4 1939
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 104/5 ấp Tân Thuận xã Bình Đức
 (Dia chi tai Viet-Nam) Châu Thành, Tiền Giang, South Vietnam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐
 If Yes (Neu co): From (Tu): Jun 1, 1975 To (Den): Oct 25, 1985

PLACE OF RE-EDUCATION: TRẠI CẢI TẠO GIA TRUNG-PLEIKU
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Soldier

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NO

VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain

VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒
 IV Number (So ho so): 212285
 No (Khong): ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi beh sau voi day du chi tiep

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 8- Nguyễn bình Khiêm
PHUONG I - MY THO SOUTH VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
HUYNH . THANH . NHAN

U.S. CITIZEN (Quoc tịch Hoa-Ky): Yes (co): ☐ No (Khong): ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Son

NAME & SIGNATURE: HUYNH . THANH . NHAN

ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay)

DATE: Jan 29 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH NGOC NGAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
V ^S O - THI - HOAN	Jan 6, 1942	Wife
HUYNH B ^S AO GIANG	Aug 14, 1967	Son
HUYNH CHI TRUNG	Dec, 12, 1973	Son
HUYNH THI NGOC TRAN	May 14, 1971	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# 212285

VEWL.# _____

I-171: Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM HUYNH NGOC NGAN
Last Middle First

Current Address: 10A/5 Ấp Tân Thới xã Bình Đức, Chấn Thành, Tiền Giang

Date of Birth: Aug 4 1939 Place of Birth: Làng Thạnh Phú, Mỹ Tho

Previous Occupation (before 1975) Captain - 7th Army Division
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From June 1, 1975 To Oct 25, 1985
Years: 10 Months: 4 Days: 24

3. SPONSOR'S NAME: NHAN HUYNH T
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>LIEM HUYNH</u>	<u>Son</u>
<u>QUOC HUYNH</u> The same above	<u>Son</u>
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: 11/21/89

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH NGOC NGAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
V ^S O - THI - HOAN	Jan 6, 1942	Wife
HIY ^S YNH BAO GIANG	Aug 14, 1967	Son
HIY ^S YNH CHI TRUNG	Dec 12, 1973	Son
HIY ^S YNH THI NGOC TRAN	May 14, 1971	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : HUYNH NGOC NGAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
VO ^s THI HOAN	Jan 6, 1942	Wife
HUYNH BAO GIANG	Aug 14, 1967	Son
HUYNH CHI TRUNG	Dec 12, 1973	Son
HUYNH THI NGOC TRAN	May 14, 1971	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : HUYNH NG-OA NEAN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : Aug 4 1939
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): ☒ Female (Nu): ☐

MARITAL STATUS Single (Doc than): ☐ Married (Co lap gia dinh): ☒
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 104/5 ấp Tân Thuận xã Bình Đức
 (Dia chi tai Viet-Nam) Châu Thành Tiền Giang South Vietnam

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) ☒ No (Khong) ☐
 If Yes (Neu co): From (Tu): Jun 1, 1975 To (Den): Oct 25, 1975

PLACE OF RE-EDUCATION: TRAI CAI TAO GIA TRUNG-PLEIKU
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Soldier

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): NO
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): Captain
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): ☒
 IV Number (So ho so): 212285
 No (Khong): ☐

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 4
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi t

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 8. Nguyễn bình Khiết
PHUONG I - MY THO SOUTH VIETNAM

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro)
HUYNH THANH NEAN

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): ☐ No (Khong): ☒

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): Son

NAME & SIGNATURE: HUYNH THANH NEAN
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____

DATE: Jan 29 1989
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

Cải cách

Chợ trái cây của anh,
Hàng ngày rất đông. Từ chất
trên, phía dưới,
Chúng chuyển đến C.A. C.A.
Đài quyết.

Cầu Chua 23-10-85

C.A. phía dưới - 85

Nguyễn Văn

Nguyễn Văn Cui

xác nhận

d/S Huyện ủy, ngân sách tỉnh C.A.
Xã Lũy diên

Kính chuyển CP huyện Châu Thành
Đài quyết.

Bình định 23/10/1985

T.M. C.A. xã.

Fo C.A.



Nguyễn Văn

Nguyễn Văn Cui.

BỘ NỘI VỤ
CỤC QL. VÀ CT PN
TRẠI GIÀ TRUNG
số: 304 /GTT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - hạnh phúc.

(713 trang, ngày 23/10/1968)

SHSLD

: 0 0 0 0 : 7 3 : 0 5 6 6 : 3 : :

GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TT ngày 22/08/1977 của Thủ tướng chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sỹ nhân viên cơ quan cũ chính quyền cũ chế độ cũ và Đảng chính quyền hiện đang TTCT.

Căn cứ thông tư liên bộ quốc phòng Nội vụ số 27/THQĐ/1977 của Thủ tướng chính phủ.

Thi hành quyết định số 229 ngày 14 tháng 8 năm 1968 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

CƠ GIẤY RA TRẠI

/-/ và tên: **Nguyễn Ngọc Ngân** Năm sinh: **1939**
Sinh quán: **Nhị thọ**
Trú quán: **55 ấp tân thuận bình an, Châu thành Tiền Giang**
Số lịch: **59/149.385** Cấp bậc: **Đội úy**
chức vụ: **Biệt đội trưởng quân bộ**

Trong bộ máy chính quyền quân sự và các tổ chức chính quyền chế độ cũ

- Lý do thả: **Cần tạo thế và lực**

Khi về phải trực tiếp trình bày giấy này với UBND xã, phường thuộc huyện quận: **Châu thành tỉnh Tiền Giang**

và phải tuân theo các quy định của UBND thành phố và việc quản lý cư trú và các mặt quản lý khác.

- Thời gian quản chế: **không quản chế**
- Thời gian đi đày: **0 ngày (không bị ngày cấp giấy ra trại)**
- Thời hạn quản chế đi đày, số cấp: **220.00**

Tổng cộng lại trả phải:

- **Nguyễn Ngọc Ngân**

- **Lãnh hội số:**

- **Lập tại:**

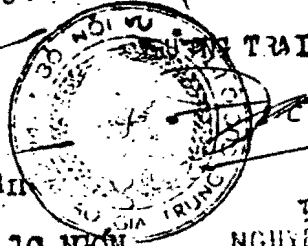
chức vụ cũ người

được cấp giấy

Nguyễn Ngọc Ngân

CÔNG THỨC ĐIỂM CHỈ 10 NGƯỜI

TRUNG TÁ
NGUYỄN ĐÌNH TÙNG



Số, Ty
CÔNG-AN
T.G.
---++---

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM
Độc-Lập - Tự-Do - Hạnh-Phúc
-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-o-

GIẤY /3 IÊN - /)/ H Ậ N

Số : 310867683

HỌ, TÊN : /-/ U Y N H - /)/ G Ộ C - /)/ G Ạ N

Tên thường gọi : 1939

Nơi thường trú : Bình - Đức
Châu-Thành - T.G.

Dấu vết riêng hoặc dị hình : Mót ruồi C. 2 cm 8
dưới sau đầu mặt phải.

Bố làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân-dân
tại Châu - Thành.

Hết đến ngày / /19 trả giấy CMND.

Ngón trở trái :

Lấn tủy

Ngày 30 / 12 / 1987

CÔNG-AN TỈNH TIỀN-GIANG

TỔ CẤP PHÁT GIẤY CMND.

Số 3

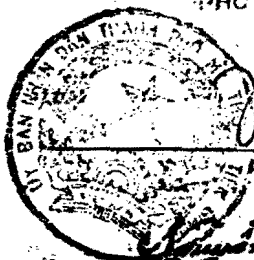
(Ký tên)

PHẠM-VAN-BẦY

SAG Y BÀN CHÁNH

TRUYỀN THỐNG 10 tháng 5 năm 1918
BỘ CÔNG AN TP. MY THO

PHÒNG VĂN PHÒNG



Nguyễn Văn Hùng

SỞ, TY
CÔNG AN
T.G.
-+-

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM
Độc-Lập - Tự-Do - Hạnh-Phúc
-0-0-0-0-0-0-0-0-0-0-0-0-0-0-0-

SỐ 310

C 1 1 1 / 3 1 1 1 - /) / H 1 1 1
SỐ : 3 1 0 8 8 7 7 1 3

HỌ TÊN : HUỖNH - THỊ NGỌC - TRẦN

Tên thường gọi : 1 9 7 1

Nơi thường trú : Bình - Đức
Châu-Thành - T.G.

Dấu vết riêng hoặc dị hình : Sẹo tròn 0 cm 50 -
1 cm 3 dưới sau cánh mũi phải.

Đã làm thủ tục xin cấp giấy chứng minh nhân dân
tại Châu - Thành.

Hẹn đến ngày / / 19__ trả giấy OMND.

SỞ Y SÂN CHÁNH

THU NHẬP 10 tháng 5 năm 1987

PHÒNG TUYÊN QUANG

PHÒNG AN QUANG



Nguyễn Văn Hùng

Ngón trở trái :

Lăn tay :

Ngày 30 / 12 / 1987

CÔNG-AN TỈNH TIỀN-GIANG
TỔ CẤP PHÁT GIẤY OMND SỐ 3
(Ký tên)
PHẠM-VĂN-BÀ

CỘNG-HÒA XÃ-HỘI CHỦ-NGHĨA VIỆT-NAM

Độc-Lập - Tự-Do - Hạnh-Phúc

7 IẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số : 310452823 /

GAN SÁO

1 N 1

HỌ TÊN V Ồ - T H Ị - H O À N

Sinh ngày 1 9 4 2

Nguyên quán H Ỡ - Đ ỨC - Đ ÔNG

Cái-Lè, TIỀN-GIANG

Nơi thường trú Bình - Đắc

Châu-Thành, TIỀN-GIANG.

Dân Tộc : Kinh

Tôn - giáo : Phật

Lên tay

Lên tay

Nghĩa tro trái

Nghĩa tro phải

: DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

: Nốt ruồi 0.1, 3 cm trên sau đầu

: Mày trái.

: Ngày 22 tháng 07 năm 1979

: K.T. GIÁM-ĐỐC HOẶC TRƯỞNG-TY CÔNG-AN

TRƯỞNG-TY,

(Ký tên đồng dấu)

PHẠM-VAN-HUYT

SÁO-Y-BẢN CHÁNH

ĐEM VÀO NƠN 10 Tháng 5 năm 1978

PHẠM T. M. Y. T. H.

K.T. CHÁNH VĂN PHÒNG

K.T. CHÁNH VĂN PHÒNG



VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud-Vietnam

PHÒNG LỤC-SỰ TÒA ĐÌNH THƯỜNG

(GREFFE DU TRIBUNAL DE

BẢN TRÍCH-LỤC BỐ KHAI-SANH LĂNG THANH PHU (M.Y.T.H.O.)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1939
(Année)

SỐ HIỆU 98
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít. (Nom et prénom de l'enfant)	NGUYỄN NGỌC NGÂN
Nam, nữ. (Sexe de l'enfant)	Con trai
Sanh ngày nào. (Date de naissance)	10/4/1939
Sanh tại chỗ nào. (Lieu de naissance)	Làng Thanh Phú
Tên, họ cha. (Nom et prénom du père)	NGUYỄN NGỌC CHI
Cha làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Thanh Phú
Tên, họ mẹ. (Nom et prénom de la mère)	ĐANG THỊ ĐEP
Mẹ làm nghề gì. (Sa profession)	Làm ruộng
Nhà cửa ở đâu. (Son domicile)	Làng Thanh Phú
Vợ chánh hay vợ thú. (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh

Chúng tôi, B. G. I.
(Nous)

Chánh-án Tòa
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

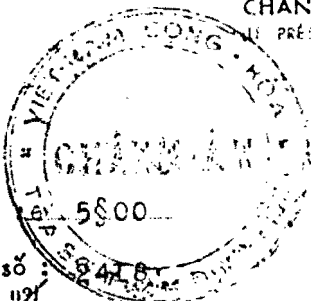
Ông L. V. C.
(M.)

Chánh-Lục-Sự Tòa-án sở tại.
(Greffier en chef dudit tribunal.)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

NYTHC, ngày 4/3/1964
CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF.)

NYTHC, ngày 4/3/1964
CHÁNH ÁN,
(LE PRÉSIDENT)



Giá tiền

(Coût)

Bien-lai số

(Quittance n°)

Tên, họ, an ninh	HOÀNG-TH. ANH-NHÂN
Phái:	Đàn ông
Ngày sinh	01/01/1960
Tên:	Đàn ông
Chức:	Đàn ông
Tuổi:	01/01/1960
Nghề-ngh:	Đàn ông
Cư trú:	Đàn ông
Me:	Đàn ông
(Tên, họ)	Đàn ông
Tên:	Đàn ông
Nghề-ngh:	Đàn ông
Cư trú:	Đàn ông
Vợ:	Đàn ông
(Tên, họ)	Đàn ông
Người k:	Đàn ông
(Tên, họ)	Đàn ông
Tuổi:	Đàn ông
Nghề-ngh:	Đàn ông
Cư trú:	Đàn ông
Ngày k:	Đàn ông
Nghề-ngh:	Đàn ông
Cư trú:	Đàn ông
Ngày k:	Đàn ông
Nghề-ngh:	Đàn ông
Cư trú:	Đàn ông
Ngày k:	Đàn ông
Nghề-ngh:	Đàn ông
Cư trú:	Đàn ông

Lập tại: 1965
 Người k: Hồ tại: Nhân Chứng

Handwritten notes and signatures in the left margin.

Handwritten notes and signatures in the bottom left margin.

NAM PHẦN

TỈNH ĐỊNH - TƯỜNG

XÃ ĐIỀU - HÒA

Bản số 5458

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

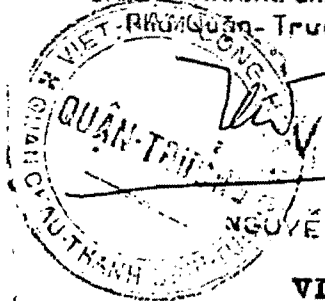
Năm 1963 XÃ ĐIỀU-HÒA (ĐỊNH-TƯỜNG)

Tên, họ của con nít	Huỳnh-thanh-Liêm
Nam hay Nữ	Nam
Sanh ngày	Ngày mười một, tháng mười hai, năm một ngàn chín trăm sáu mươi ba.
Sanh tại chỗ nào	Xã Điều-Hòa (Bảo sanh Trần-văn-Tải)
Tên, họ người cha	Huỳnh-ngọc-Ngân
Làm nghề nghiệp gì	Giáo viên
Nhà cửa ở đâu	Điều-Hòa (Định-Tường)
Tên, họ người mẹ	Võ-thị-Hoàn
Làm nghề nghiệp gì	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu	Điều-Hòa
Vợ chánh hay chú	Vợ chánh

NHẬN THỰC CHỮ KÝ

của quý Ông Ủy-Ban Hành-Chánh Xã Điều-Hòa dưới đây:

Mytho, ngày 08 tháng 10 năm 1963
TL. QUẢN TRƯỞNG CHAU-THÀNH
Rừng Quên-Trưởng,



NGUYỄN-THẾ-CHU

VI CHỨNG:

Điều-Hòa, ngày 8 tháng 10 năm 1965

T.M. ỦY-BAN-HÀNH CHÁNH XÃ

ỦY-VIÊN TÀI-CHÁNH

Trần-bá-Đầy

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH

Điều-Hòa, ngày 8 tháng 10 năm 1965

CHỦ TỊCH KIỂM ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH

Trần-văn-Thành

NAM PHÂN
TỈNH ĐỊNH - TƯỜNG
XÃ ĐIỀU - HÒA
4516

Bản số

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ KHAI SANH

NĂM 1967 XÃ ĐIỀU-HÒA (ĐỊNH-TƯỜNG)

17/8

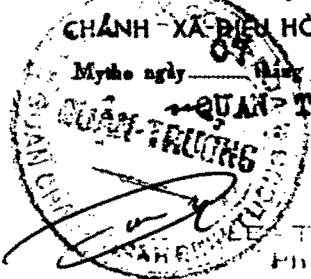
Tên, họ đứa con nít	Nguyễn Bảo Giang
Nam hay Nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày mười bốn tháng tám năm một ngàn chín trăm sáu mươi bảy.
Sanh tại chỗ nào.	Xã Điều-Hòa (Bảo sanh Khu-Tâm)
Tên họ người cha	Nguyễn Ngọc Ngân
Làm nghề-nghiệp gì	Quan-nhân
Nhà cửa ở đâu	Điều-Hòa (Định-Tường)
Tên họ người mẹ.	Võ thị Hoàn
Làm nghề- nghiệp gì	Hội-trợ
Nhà cửa ở đâu	Điều-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ chánh

NHẬN THỰC CHỮ KÝ:

của Chủ tịch Ủy - Ban HÀNH

CHÁNH - XÃ ĐIỀU HÒA ngang đây,

Mỹke ngày 04 tháng 12 năm 1967

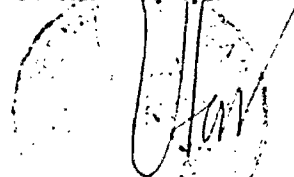


TRÍCH-LỤC Y BỘ CHÁNH

ĐIỀU HÒA, ngày 06 tháng 12 năm 1967

CHỦ TỊCH ỦY BAN HÀNH CHÁNH XÃ

kiểm
UY-VIÊN HỘ-TỊCH



PHẦN VẠN HAI

NAM-PHÂN

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

6B/ĐẠO

TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG

QUẬN CHÂU THÀNH

XÃ ĐIỀU-HÒA

HỘ TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Số hiệu: 116

NĂM 1969 XÃ ĐIỀU-HÒA - (ĐỊNH-TƯỜNG)

Tên, họ đứa con nít.	Huỳnh-Bảo-Quốc
Nam hay nữ	Nam
Sanh ngày nào	Ngày năm tháng giêng năm một ngàn chín trăm sáu mươi chín
Sanh tại chỗ nào.	Xã Điều-Hòa Bảo sanh Như-Tâm
Tên họ người cha	Huỳnh-Ngọc-Ngân
Làm nghề-nghiệp gì.	Quân nhân
Nhà cửa ở đâu	Điều-Hòa (Định-Tường)
Tên họ người mẹ.	Võ-thị-Hoàn
Làm nghề-nghiệp gì.	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu	Điều-Hòa
Vợ chánh hay vợ thứ.	vợ chánh

NHẬN THỰC CHỮ KÝ:

của Ủy-Ban HÀNH-CHÁNH XÃ

ĐIỀU-HÒA, ngày 22 tháng 9 năm 1969

Mở-thẻ, ngày 22 tháng 9 năm 1969



TRÍCH-LỤC Y BỘ CHÁNH

Điêu-Hòa, ngày 22 tháng 9 năm 1969

ỦY-VIÊN HỘ-TỊCH,
và soạn bộ

Vi chứng:

XÃ-TRƯỞNG



PHU VAN HAI

NGUYEN VAN KIEM

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

THỊ - XÃ MỸ - THO

Phường 1111

Số hiệu 2333

TRÍCH-LỤC KHAI-SANH

Lập ngày 17 tháng 5 năm 1971

Tên họ đứa trẻ :	Huỳnh-Thị-Ngọc-Trần
Tên hay gái :	Kỹ
Ngày sanh :	Ngày mười bốn tháng năm năm một ngàn chín trăm bảy mươi mốt
Nơi sanh :	Xã Diêu-Hòa (Bảo Sơn Khu-Tân)
Tên họ cha :	Huỳnh-Ngọc-Văn
Tên họ mẹ :	Võ-Thị-Hoàn
Vợ chánh hay không	
Có hôn thú :	Vợ-Chánh
Tên họ người khai :	Trần-Thị-Lịch

TRÍCH LỤC V BẢN CHÁNH

Mỹ-Tho, ngày 22 tháng 1 năm 1975

~~XXXXXXXXXXXX~~

TRƯỞNG-TY HÀNH-CHÁNH,

BÙI-MU-SƠN
Đã-Sư-Hành-Chánh

Gb/V.

VIỆT-NAM CỘNG HOÀ

THỊ XÃ MỸ-THO

Phường

I

Số hiệu 4239/PI

TRÍCH-LỤC KHAI-SANH

K.0/6b

Lập ngày 11 tháng 12 năm 1973

Tên họ đứa trẻ : HUỖNH CHÍ-TRUNG

Trai hay gái : Nam

Ngày sanh : Ngày ba tháng mười hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba.

Nơi sanh : Bảo sanh Như-Tân số 4 Trương Công-Dịnh

Tên họ cha : Huỳnh Ngọc-Ngân

Ky Tho

Tên họ mẹ : Võ Thị Hoàn

Vợ chánh hay không vợ chánh

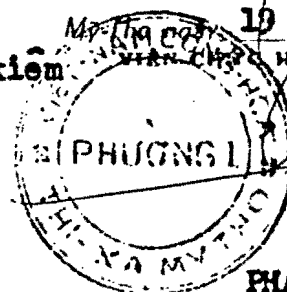
Có hôn thú số 105 xã Điều-Hoà 16-11-1959

Tên họ người khai : Nguyễn Thị Bạch Cúc

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÍNH

Ngày 10 tháng 12 năm 1973

Phường Trưởng kiêm



PHAN VAN HAI

NAM - PHẦN
TỈNH ĐỊNH-TƯỜNG
XÃ ĐIỀU-HÒA
Bản số: 105

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

HỘ-TỊCH VIỆT-NAM

TRÍCH LỤC BỘ HÔN THỦ BỤC N N U T
NĂM 1 XÃ ĐIỀU-HÒA (ĐỊNH-TƯỜNG)

Tên, họ người chồng.....	Nguyễn Văn - Hoàn
Sanh tại chỗ nào.....	Hàng Thanh-Phủ Mytho
Sanh ngày nào.....	4 tháng 7 năm 1939
Tên họ cha chồng (sống chết phải nói)	Nguyễn Văn - Hải (sống)
Tên họ mẹ chồng (sống chết phải nói)	Đặng-thị- (sống)
Tên, họ người vợ.....	Võ-thị-Hoàn
Vợ chánh hay là vợ thứ...	Vợ chánh
Sanh tại chỗ nào.....	Hàng Mỹ-Lức-Pông Mytho
Sanh ngày nào.....	6 tháng 1 năm 1942
Tên, họ cha vợ (sống chết phải nói)	Võ-tôn-Thừa (chết)
Tên, họ mẹ vợ (sống chết phải nói)	Phạm-thị- (sống)
Ngày kết hôn.....	13 tháng 11 năm 1959

NHẬN THỰC CHỮ KÝ:

của Quý Ông Hội-viên xã
Điều-Hòa (Định-Tường) dưới đây:

Mytho, ngày 2 tháng 2 năm 1965
T.L. QUẢN TRƯỞNG CHAU-THANH
Phó Quận-Trưởng,

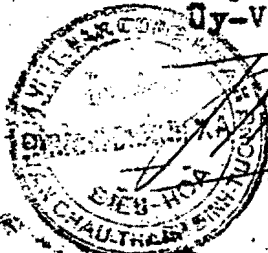


Nguyễn Văn - Hoàn
VỊ-CHỨNG:

Điều-Hòa, ngày 23 tháng 2 năm 1965

HỘI-ĐỒNG XÃ ĐIỀU-HÒA

Đoàn-Điền Hội-viên: Jai-Chánh
T. Ủy-Ban Hành-Quản xã
Ủy-Viên Tài-Chính,



Trần-bá-Dầy

TRÍCH LỤC Y BỘ CHÁNH

Điều-Hòa, ngày 23 tháng 2 năm 1965

HỘI-VIÊN HỘ-TỊCH:

Nguyễn Văn - Hoàn kiêm Ủy-Viên Hộ-Tịch,

Nguyễn Văn - Hoàn

Trần-bá-Dầy

Prisoner name: **Huynh Ngoc Ngan**
104/5 Ap Tan Thuan Xa Binh Duc
Huyen Chau Thanh Tinh Tien Giang
South Vietnam

IV : 212285

C/O **Huynh Thanh Nhan**

BIRTH CERTIFICATE: 8 copies

- HUYNH NGOC NGAN
- HUYNH THANH NHAN
- HUYNH THANH LIEM
- HUYNH BAO GIANG
- HUYNH BAO QUOC
- HUYNH THI NGOC TRAN
- HUYNH CHI TRUNG
- VO THI HOAN

MARRIAGE CERTIFICATE: 1 copy

- HUYNH NGOC NGAN and VO THI HOAN

PRE-1975 GOVERNMENT IDENTITY: None

- We submitted them to the post-1975 Government , and now they are lost.

POST-1975 GOVERNMENT IDENTITY: 3 Copies

- HUYNH NGOC NGAN
- HUYNH THI NGOC TRAN
- VO THI HOAN

PAPERS WHICH SHOW POSITION, RANK, OR FUNCTION
IN THE VIETNAMESE MILITARY: None

- We destroyed them in 1975.

THE RE-EDUCATION RELEASE CERTIFICATE: 1 Copy

- HUYNH NGOC NGAN

THE PRESENT MARITAL STATUS:

- HUYNH THANH TAM is married and I did not submit any of his documentations
- HUYNH THANH LIEM is single



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: 703-560-0058

Hội Đồng Quản Trị Board of Directors

KHÚC MINH THƠ
NGUYỄN THỊ HẠNH
NGUYỄN QUỲNH GIAO
NGUYỄN VĂN GIỚI
NGUYỄN XUÂN LAN
HIẾP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.U. Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn Advisory Committee

HIẾP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

MẪU ĐƠN XIN GIA-NHẬP

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Hội Gia-Đình Tù-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi, thuận tụy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: HUYNH THANH NHAN
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà) _____

Tên tù nhân chính trị: HUYNH NGOC NGAN
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Mẹ, Vợ, Anh, Chị, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niên liễm: ✓ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tùy ý)

Thủ từ, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TÙ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE: 703-560-0058

NHAN HUYNH

271

55-136-12
312

Families of Vietnamese
Political Prisoners Association 12.00

twelve 00/100

Commerce
Bank NA

DELSEA DRIVE & DALTON DRIVE
GLASSBORO, NJ 08028

Nien Vern

Nhan

RI VIỆT NAM
IS ASSOCIATION

335

NGUYỄN XUÂN LAN
HIỆP LOWMAN
TRẦN KIM DUNG
TRẦN THỊ PHƯƠNG

Ban Chấp Hành T.U.
Executive Board

KHÚC MINH THƠ
President
NGUYỄN QUỲNH GIAO
1st Vice-President
TRẦN KIM DUNG
2nd Vice-President
NGUYỄN VĂN GIỚI
Secretary General
TRẦN THỊ PHƯƠNG
Deputy Secretary
NGUYỄN THỊ HẠNH
Treasurer

Cố Vấn Đoàn
Advisory Committee

HIỆP LOWMAN
NGUYỄN XUÂN LAN

HỘI GIA-ĐÌNH TỰ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM

-----ooo0ooo-----

Hội Gia-Đình Tự-Nhân Chính-Trị Việt-Nam hoạt động bất vụ lợi; thuận tụy xã hội và nhân đạo nhằm mục đích vận động cho việc trả tự do cho tù-nhân chính-trị Việt-Nam và đoàn-tu gia đình.

Hội thiết tha kêu gọi Cộng Đồng hưởng ứng hoạt động của Hội bằng cách tham gia tích cực và trở thành Hội Viên. Nếu quý vị nào muốn gia nhập Hội, xin cho biết những chi tiết sau đây :

Họ và Tên: HUYNH THANH NHAN
Địa chỉ: _____

Điện thoại: (số) _____ (Nhà)

Tên tù nhân chính trị: HUYNH NGOC NGÂN
Liên hệ gia đình với tù nhân chính trị:
(Chà, Me, Vở, Anh, Chi, Em, v.v.)

Xin quý vị cho biết quý vị có thể đóng góp bằng cách nào cho Hội: tùy theo ý muốn và lòng hảo tâm của quý vị.

Thời giờ: _____
Niệm liêm: ✓ (\$12.00)
Đóng góp ủng hộ: _____ (tùy ý)

Thủ từ, ngân phiếu xin gửi về:

HỘI GIA-ĐÌNH TỰ-NHÂN CHÍNH-TRỊ VIỆT-NAM
P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205
TELEPHONE: 703-560-0058

Prisoner name: **Huynh Ngoc Ngan**
104/5 Ap Tan Thuan Xa Binh Duc
Huyen Chau Thanh Tinh Tien Giang
South Vietnam

IV : 212285

C/O **Huynh Thanh Nhan**

BIRTH CERTIFICATE: 8 copies

- HUYNH NGOC NGAN
- HUYNH THANH NHAN
- HUYNH THANH LIEM
- HUYNH BAO GIANG
- HUYNH BAO QUOC
- HUYNH THI NGOC TRAN
- HUYNH CHI TRUNG
- VO THI HOAN

MARRIAGE CERTIFICATE: 1 copy

- HUYNH NGOC NGAN and VO THI HOAN

PRE-1975 GOVERNMENT IDENTITY: None

- We submitted them to the post-1975 Government , and now they are lost.

POST-1975 GOVERNMENT IDENTITY: 3 Copies

- HUYNH NGOC NGAN
- HUYNH THI NGOC TRAN
- VO THI HOAN

**PAPERS WHICH SHOW POSITION, RANK, OR FUNCTION
IN THE VIETNAMESE MILITARY:** None

- We destroyed them in 1975.

THE RE-EDUCATION RELEASE CERTIFICATE: 1 Copy

- HUYNH NGOC NGAN

THE PRESENT MARITAL STATUS:

- HUYNH THANH TAM is married and I did not submit any of his documentations
- HUYNH THANH LIEM is single

CONTROL

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 1/22/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form "D"
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

Thuy's Chau Phan -
I-116 CROSSINGS #pt.
GLASSBORO, N.J. 08028
#(609) 881-2464
TN: Thuy's Nguyen -
11/4/88